



INHERITANCE LAW FROM THE PERSPECTIVE OF INHERITANCE DISTRIBUTION DISPUTE CASE

Nguyen Thi Thuy Trang^{1*}, Tran Thi Kim Anh¹, Tran Thi Binh An¹

¹Thainguyen University of Economics and Business Administration, Vietnam

*Email address: thuytrang.lkt@gmail.com

<https://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/487>

Article info

Received:
10/12/2020
Accepted:
22/02/2021

Keywords:

*Inheritance; disputes;
civil, case.*

Abstract

The inheritance institution is a particularly important in the civil law of Vietnam, recognizing a very popular kind of social relations. In fact, the number of inheritance disputes always accounts for a large proportion in civil disputes. In particular, inheritance disputes are very diverse and highly complex, sometimes still exist many different views on how the Court applies the law to settle disputes. This article will study a specific verdict on the settlement of a dispute over the inheritance of property that is land use rights and assets on land, thereby giving the direction on applying the law of inheritance in a specific case.



PHÁP LUẬT VỀ THỪA KẾ QUA GÓC NHÌN TỪ MỘT VỤ ÁN TRANH CHẤP CHIA THỪA KẾ

Nguyễn Thị Thùy Trang^{1,*}, Trần Thị Kim Anh¹, Trần Thị Bình An¹

¹ Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh Thái Nguyên, Việt Nam

* Địa chỉ email: thuytrang.lkt@gmail.com

<https://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/487>

Thông tin tác giả

Ngày nhận bài:

10/12/2020

Ngày duyệt đăng:

22/02/2021

Từ khóa:

Thừa kế; tranh chấp; dân sự, vụ án.

Tóm tắt:

Chế định thừa kế là một chế định đặc biệt quan trọng trong ngành luật dân sự Việt Nam, điều chỉnh một loại quan hệ xã hội hết sức phổ biến, gắn gũi với thực tiễn cuộc sống. Trên thực tế, số vụ tranh chấp về thừa kế luôn chiếm tỷ trọng lớn trong các tranh chấp dân sự. Đặc biệt, các tranh chấp về thừa kế hết sức đa dạng và có tính phức tạp cao, đôi khi còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau trong quá trình Tòa án áp dụng pháp luật để giải quyết tranh chấp. Trên cơ sở nghiên cứu một bản án cụ thể về giải quyết tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, bài viết tập trung bình luận và đưa ra phương hướng áp dụng pháp luật về thừa kế trong một tình huống cụ thể.

1. Đặt vấn đề

Trong pháp luật dân sự, vấn đề thừa kế luôn là vấn đề phức tạp do xung đột quyền lợi của các bên và xuất phát từ đặc trưng là các bên tham gia quan hệ này đều có quan hệ huyết thống hoặc nuôi dưỡng. Ở nước ta, pháp luật về quyền thừa kế lần đầu tiên được quy định trong Bộ luật Hồng Đức dưới triều đại của Vua Lê Thái Tổ và vấn đề này nằm trong chương Điền Sản của Bộ luật. Trải qua quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước, chế định này đã được quy định, mở rộng và được quy định rất cụ thể trong các bản Hiến pháp của nhà nước ta như: Điều 19 Hiến pháp năm 1959 quy định: “Nhà nước chiếu theo pháp luật bảo vệ quyền thừa kế tài sản tư hữu của công dân”; Điều 27 Hiến pháp năm 1980 “Nhà nước bảo hộ quyền thừa kế tài sản của công dân”; Điều 58 Hiến pháp năm 1992 “Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu hợp pháp và quyền thừa kế công dân”... Chưa dừng lại ở đó, Hiến pháp năm 2013 còn quy định khá chặt chẽ về quyền thừa kế, cụ thể tại Điều 32 “Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ”.

Trải qua một thời gian dài xây dựng và phát triển, chế định thừa kế luôn được ghi nhận là một chế định quan trọng trong hệ thống các quy phạm pháp luật dân sự Việt Nam từ Pháp lệnh thừa kế năm 1990 đến Bộ luật dân sự 2005 và mới đây nhất là Bộ luật dân sự 2015, những quy định của pháp luật thừa kế đã tỏ ra phù hợp với thực tiễn, không ngừng hoàn thiện để bảo vệ quyền lợi của công dân nói chung, nhất là những người được hưởng thừa kế.

Thời gian gần đây số lượng các vụ tranh chấp về thừa kế luôn chiếm tỷ trọng lớn trong các tranh chấp dân sự và có tính phức tạp. Bởi vậy việc nghiên cứu, nắm rõ và vận dụng tốt các quy định pháp luật về thừa kế là đòi hỏi cấp thiết của các cơ quan tiến hành tố tụng khi giải quyết loại tranh chấp này.

Trong số các loại di sản thừa kế, có thể khẳng định, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất luôn là loại di sản chiếm tỷ lệ lớn nhất. Một dạng tranh chấp về thừa kế phổ biến nhất thường xảy ra đó là

con cái – những người thừa kế không tìm được tiếng nói chung trong việc phân chia di sản thừa kế là nhà và đất mà bố mẹ của họ để lại sau khi mất.

Bản án của Tòa án nhân dân thành phố T dưới đây ghi nhận một tranh chấp như thế. Bài viết sẽ phân tích các quy định hiện hành trong chế định thừa kế của Bộ luật dân sự 2015 để làm cơ sở áp dụng cho việc giải quyết tranh chấp trong trường hợp vụ án cụ thể trên, từ đó rút ra một số kết luận để áp dụng cho các trường hợp tương tự.

2. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng: phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp.

Phương pháp phân tích, bình luận bản án, qua đó có thể giúp người đọc nhận diện vấn đề pháp lý, nắm bắt được các quy tắc pháp lý, cách giải thích, áp dụng chúng trong thực tiễn. Đồng thời, qua đó mô tả, giải thích, khái quát hóa các hiện tượng pháp lý, đưa ra những logic pháp lý để áp dụng trong những tình huống tương tự.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Tóm tắt vụ án

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2019/TLST - DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp chia thừa kế, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXXST-DS ngày 06/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn là bà: Bà Nguyễn Thị Xuân N, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 167, đường L, phường P, thành phố T, tỉnh T.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu M, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 19, đường T, phường H, thành phố T, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm 03 ông bà: Ông Nguyễn Thành T (sinh năm 1959); bà Nguyễn Thị Xuân L (sinh năm 1963), Ông Nguyễn Thành H (sinh năm 1967), đều trú tại thành phố T, tỉnh T.

Hai cụ là: cụ ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1939 (chết năm 2017) và cụ bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1935 (chết năm 2017), có tất cả 05 người con gồm: 1. Nguyễn Thị Xuân L, 2. Nguyễn Thị Xuân N, 3. Nguyễn Thành T, 4. Nguyễn Thành H, 5. Nguyễn Thị Thu M; cha mẹ bà không có con nuôi, con riêng, con ngoài giá thú.

Lúc sinh thời cha mẹ bà N có tạo lập được tài sản là: Căn nhà và quyền sử dụng đất (QSDĐ) tọa

lạc tại địa chỉ: Số 19, đường T, phường H, thành phố T, tỉnh T, thửa đất số 139, tờ bản đồ số 48, diện tích 142.7m², theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BR 014374, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH05170 do Ủy ban nhân dân thành phố T cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị C vào ngày 08/5/2015. Ngoài căn nhà trên còn có một số tài sản trên đất gồm mái che phía trước, nhà chính, nhà sau, bể nước...

Theo kết quả định giá tài sản ngày 29/6/2020 của Công ty cổ phần định giá và đầu tư kinh doanh bất động sản X xác định tổng giá trị QSDĐ và tài sản trên đất là 2.613.655.000 đồng (hai tỷ sáu trăm mười ba triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn). Các bên liên quan đã nhất trí với kết quả giám định này.

Còn căn cứ vào khung giá của Nhà nước quy định do TAND thành phố T định giá, giá trị QSDĐ và tài sản trên đất là 618.754.000 (sáu trăm mười tám triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn).

Trước khi chết, hai cụ C và H không để lại di chúc và cũng không để lại bất kỳ nghĩa vụ về tài sản nào; ngoài tài sản trên thì cha mẹ bà không còn tài sản nào khác. Từ trước đến nay, căn nhà và đất trên do cha mẹ bà trực tiếp quản lý, sử dụng; bà Nguyễn Thị Thu M đến ở cùng hai cụ C và H trong vòng hai năm trước khi các cụ mất. Sau khi hai cụ mất, bà M là người thờ cúng, hương khói cho hai cụ. Khi các anh chị em bà M đề nghị phân chia di sản thừa kế, bà M không đồng ý mà có ý định chiếm giữ tài sản này làm của riêng. Sau đó, bà M đưa ra điều kiện là bà chỉ đồng ý chia thừa kế nếu di sản được chia thành sáu (06) phần, năm người con mỗi người được một phần và bà M phải được nhận thêm một suất thừa kế vì bà đã nuôi dưỡng và chăm sóc bố mẹ khi sống cũng như có công hương khói, thờ cúng các cụ. Đồng thời, bà M yêu cầu phải được nhận thừa kế bằng hiện vật (nhà và đất). Bà M đề nghị trả lại giá trị kỹ phần thừa kế cho những đồng thừa kế khác theo giá trị di sản được xác định theo khung giá nhà nước.

Các anh em của bà M không đồng ý, trong đó, bà N – là chị cả trong gia đình đã khởi kiện bà M ra tòa vào tháng 12 năm 2019. Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật. Trong đó, giữa bà N ông H có thỏa thuận về việc ông H tặng phần thừa kế mà mình được hưởng cho bà N, nên bà N được 02 phần (gồm phần của bà và phần của ông H).

Từ đó, bà N yêu cầu Tòa án giao cho mình nhận hiện vật là nhà và đất nêu trên; bà N sẽ trả lại giá trị

ký phần thừa kế cho những đồng thừa kế khác theo giá thị trường.

3.2. Kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố T đã xét xử sơ thẩm và tuyên án - bản án số: 32/2020/DS-ST về việc “Tranh chấp chia thừa kế”.

Theo đó, kết quả giải quyết như sau: Di sản thừa kế được chia theo pháp luật thành 05 phần bằng nhau, 05 người con - mỗi người được nhận một suất, trong đó ông H đã tặng cho suất thừa kế của mình cho bà N nên bà N được nhận 02 suất, ba ông bà còn lại: ông T, bà L, bà M mỗi người được nhận một suất. Bà N được Tòa án tuyên nhận di sản bằng hiện vật và trả lại ký phần thừa kế cho ba người còn lại với giá trị một ký phần được tính theo giá thị trường. Bà M có trách nhiệm chuyển ra khỏi nhà và giao trả nhà, đất nêu trên cho bà N.

3.3. Phân tích, bình luận các khía cạnh pháp lý của vụ án

Đối với tranh chấp này, Tòa án đã vận dụng các quy định của pháp luật hiện hành làm cơ sở pháp lý để giải quyết vụ án, bao gồm: Bộ luật dân sự năm 2015; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp được là “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại khoản 5 điều 28, khoản 2 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo các thời điểm của các sự kiện pháp lý, vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với vụ tranh chấp này, có hai vấn đề chính mà Tòa án phải giải quyết, bao gồm: (1) người con ở cùng và trực tiếp chăm sóc cha mẹ khi còn sống cũng như thờ cúng cha mẹ sau khi cha mẹ qua đời có được chia di sản thừa kế nhiều hơn các đồng thừa kế khác hay không; (2) trường hợp các đồng thừa kế đều muốn nhận thừa kế bằng hiện vật thì Tòa án phải giải quyết như thế nào?

(1) Người thừa kế có công chăm sóc, nuôi dưỡng cũng như thờ cúng đối với người để lại di sản có được hưởng phần thừa kế nhiều hơn?

Trong vụ án này, người để lại di sản thừa kế là cụ H và cụ C, hai cụ có tất cả 05 người con, tất cả

đều còn sống gồm: bà N, ông T, bà L, ông H và bà M. Ngoài ra, cụ H và cụ C không có con nuôi, con riêng, con ngoài giá thú nào khác; cha mẹ cụ H và cụ C đều đã chết.

Vào năm 2015, bà M ly hôn với chồng (bà không có con) nên sau đó bà dọn về ở với hai cụ C và H. Từ đó cho đến khi hai cụ mất, bà M là người trực tiếp chăm sóc hai cụ C và H. Các anh chị em khác của bà đều có gia đình riêng và sống cùng thành phố với cha mẹ bà, thi thoảng sang thăm, mua quà và biếu tiền cho hai cụ. Sau khi hai cụ mất, do bà M không có nơi ở nào khác nên bà đề nghị các anh chị để mình tiếp tục ở nhà cha mẹ và lo việc thờ cúng cha mẹ.

Trong vụ án này, Tòa án đã dựa vào các quy định hiện hành trong chế định thừa kế của Bộ luật dân sự để giải quyết yêu cầu trên. Do hai cụ C và H mất đi mà không để lại di chúc nên căn cứ vào điểm a, khoản 1, Điều 650 Bộ luật dân sự (BLDS), trường hợp này được xét vào dạng thừa kế theo pháp luật: “là thừa kế theo hàng thừa kế, điều kiện và trình tự thừa kế do pháp luật quy định”.

Theo quy định về Người thừa kế và Hàng thừa kế theo pháp luật (tại Điều 613 và khoản 1 Điều 651), cụ H và cụ C có 05 người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà L, bà N, ông T, ông H và bà M. Đồng thời pháp luật quy định rất rõ ràng về việc “những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau” (khoản 2 Điều 651 BLDS). Như vậy, di sản thừa kế cần được chia đều cho 05 người con là 05 người thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất.

Điều 660 BLDS năm 2015, di sản thừa kế nêu trên phải được phân chia theo pháp luật. Yêu cầu của bà M về việc di sản thừa kế phải được chia làm 06 phần bằng nhau vì lý do nuôi dưỡng và thờ cúng cha mẹ là hoàn toàn thiếu cơ sở pháp lý.

Thứ nhất: Việc bà M chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ nên đòi chia thêm di sản thừa kế

Căn cứ vào quy định về Nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng tại khoản 2 Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

“2. Con có nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, đặc biệt khi cha mẹ mất năng lực hành vi dân sự, ốm đau, già yếu, khuyết tật; trường hợp gia đình có nhiều con thì các con phải cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ”.

Có thể thấy, việc bà M chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ được coi là nghĩa vụ và quyền của con đối

với cha mẹ. Không những được ghi nhận như nghĩa vụ đương nhiên, một cách hành xử bắt buộc được Nhà nước đảm bảo thực hiện, việc con cái chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ còn thể hiện đạo hiếu của con với cha mẹ, đền đáp công ơn sinh thành dưỡng dục, thể hiện văn hóa, đạo lý của người Việt Nam. Thậm chí khi cha mẹ khó khăn, không có tài sản gì, con cái cũng phải thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ này mà không được phép lơ là hay có những hành vi bỏ mặc, ngược đãi cha mẹ.

Trong vụ án này, các đương sự đều thừa nhận bà M do ở cùng nên hàng ngày bà có điều kiện chăm sóc trực tiếp cho hai cụ C và H từ năm 2015 đến năm 2017. Tuy nhiên, cả hai cụ đều có lương hưu để đảm bảo các chi phí sinh hoạt, đồng thời cả bốn người con còn lại đều luôn quan tâm, thăm nom hai cụ chứ không hề vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ.

Như vậy có thể kết luận, pháp luật không có quy định nào về việc người nào ở cùng với cha mẹ và có công chăm sóc cha mẹ khi còn sống sẽ được hưởng phần di sản nhiều hơn những người thừa kế cùng hàng khác trong trường hợp chia thừa kế theo pháp luật. Vì vậy, bà M không thể lấy mình có công chăm sóc cho bố mẹ khi còn sống để đòi hỏi về việc nhận được suất di sản thừa kế gấp đôi người khác.

Thứ hai, việc bà M có công thờ cúng cha mẹ nên bà M yêu cầu được chia thêm một phần di sản thừa kế.

Thờ cúng tổ tiên là phong tục đã có từ rất xa xưa của người Việt và hiện nay vẫn được coi trọng. Việc thờ cúng tổ tiên được thực hiện trên cơ sở của quan niệm mang tính chất đạo đức và văn hoá: tôn trọng và biết ơn công sinh thành, dưỡng dục; con người có nguồn cội, tổ tông vì vậy con, cháu phải tôn trọng và biết ơn những thế hệ cha ông đã sinh ra mình. Thờ cúng tổ tiên, di sản thờ cúng có ý nghĩa quan trọng, nó không chỉ có ý nghĩa về mặt vật chất mà còn có giá trị về mặt tinh thần.

Trong vụ án này, cụ H và cụ C chết không để lại di chúc, nên không xác định được di sản dùng vào việc thờ cúng và chỉ định người được giao quản lý để thực hiện việc thờ cúng theo quy định tại khoản 1 Điều 645 BLDS năm 2015.

Điều 645. Di sản dùng vào việc thờ cúng

“1. Trường hợp người lập di chúc để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó không được chia thừa kế và được giao cho

người đã được chỉ định trong di chúc quản lý để thực hiện việc thờ cúng; nếu người được chỉ định không thực hiện đúng di chúc hoặc không theo thỏa thuận của những người thừa kế thì những người thừa kế có quyền giao phần di sản dùng vào việc thờ cúng cho người khác quản lý để thờ cúng.”

Pháp luật không có quy định bắt buộc nào về vấn đề này, cũng không có quy định nào về việc người thờ cúng cha mẹ được hưởng phần di sản nhiều hơn những người thừa kế cùng hàng khác (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 645 BLDS).

Xuất phát từ các lý do trên, yêu cầu của bà M về việc nhận gấp đôi suất thừa kế so với người khác là hoàn toàn thiếu cơ sở pháp lý, Tòa án bác bỏ yêu cầu này là có cơ sở pháp lý.

(2) Khi những người thừa kế đều mong muốn nhận thừa kế bằng hiện vật thì Tòa án giải quyết như thế nào?

Có thể thấy, căn nhà số 19 và đất gắn liền thửa đất số 139, tờ bản đồ số 48, tọa lạc như đã nêu trên có diện tích nhỏ là 142.7 m², không thể chia đều bằng hiện vật. Trong khi đó, cả bà N và bà M đều có nguyện vọng được nhận thừa kế bằng hiện vật là nhà và đất, hai ông bà T và L mong muốn nhận kỹ phần thừa kế bằng tiền, còn ông H tặng cho suất thừa kế của mình cho bà N.

Theo quy định tại khoản 2, Điều 660 BLDS: *“Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật, nếu không thể chia đều bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật và thỏa thuận về người nhận hiện vật; nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia”.*

Quy định trên cho thấy pháp luật hoàn toàn tôn trọng ý nguyện và sự tự do thỏa thuận của những người thừa kế. Việc ai nhận thừa kế bằng hiện vật trong trường hợp không thể chia đều di sản bằng hiện vật hoàn toàn do những người thừa kế bàn bạc và quyết định.

Mặc dù cả ba ông bà L, T, H đều nhất trí giao căn nhà cho bà N để bà N thờ cúng tổ tiên, nhưng bà M không đồng ý nên các đương sự chưa có sự thỏa thuận thống nhất. Vì vậy, việc giao di sản bằng hiện vật cho ai phụ thuộc vào quyết định của Tòa án.

Trong trường hợp này, bà N được nhận hai phần (do có thỏa thuận tặng cho giữa ông H và bà N), trong khi đó bà M chỉ được nhận một suất thừa kế - đây là yếu tố thứ nhất để Tòa án cân nhắc chia thừa kế bằng hiện vật cho bà N.

Ngoài ra còn một yếu tố nữa để Tòa án xem xét - đó là vấn đề định giá di sản thừa kế được sử dụng làm căn cứ để chia thừa kế cho các đồng thừa kế.

Trong vụ án này, di sản thừa kế được định giá theo giá trị trường là: 2.613.655.000 đồng (*hai tỷ sáu trăm mười ba triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn*) và được định giá theo khung giá nhà nước là 618.754.000 đồng (*sáu trăm mười tám triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn đồng*).

Bà N sẵn sàng đồng ý trả kỹ phần thừa kế cho những người thừa kế khác với giá trị di sản thừa kế được tính theo giá thị trường, trong khi bà N chỉ đồng ý trả kỹ phần thừa kế cho những người thừa kế khác với giá trị di sản thừa kế được tính theo giá nhà nước (giá thị trường cao hơn giá Nhà nước số tiền 1.994.900.000 đồng).

Như vậy, nếu chia thừa kế cho bà N bằng hiện vật thì ông H, bà L, bà M mỗi người được chia thừa kế với một kỹ phần trị giá là: 522.731.000 (năm trăm hai mươi hai triệu bảy trăm ba mươi một nghìn), là có lợi hơn rất nhiều cho những người thừa kế khác nếu phải nhận một kỹ phần mà bà M chấp nhận trả trị giá 123.750.000 (một trăm hai mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn).

Từ các căn cứ nêu trên, Tòa đã tuyên án cho bà N nhận thừa kế bằng hiện vật, bà M có trách nhiệm giao trả nhà đất nêu trên cho bà N. Sau khi nhận thừa kế bằng nhà và đất, bà N có trách nhiệm trả giá trị kỹ phần thừa kế bằng tiền cho những người thừa kế khác gồm bà M, bà L, ông T mỗi người 01 kỹ phần di sản của cụ H và cụ C có tổng giá trị số tiền 2.613.655.000 đồng (mỗi kỹ phần tương ứng với số tiền 522.731.000 đồng).

4. Một số vướng mắc, tồn tại và phương hướng hoàn thiện pháp luật trong việc phân chia di sản thừa kế

4.1. Vấn đề di sản dùng vào việc thờ cúng

Về căn cứ xác lập di sản dùng vào việc thờ cúng: Di sản dùng vào việc thờ cúng một người, hay các thành viên đã chết của gia đình, dòng họ được xác lập từ nhiều căn cứ khác nhau, nhưng pháp luật quy định căn cứ xác lập di sản dùng vào việc thờ cúng do một người để lại theo di chúc và căn cứ này có ý nghĩa pháp lý trong việc giải quyết những tranh chấp liên quan đến di sản dùng vào việc thờ cúng do người lập di chúc để lại. Ý nguyện của người chết thể hiện trong di chúc về việc định đoạt di sản thờ cúng được coi là căn cứ pháp lý duy nhất để xác lập có hay không việc di sản được dùng

vào việc thờ cúng. Còn đối với trường hợp thừa kế theo pháp luật, chế định thừa kế trong Bộ luật dân sự không có quy định nào về việc người thờ cúng cha mẹ được hưởng phần di sản nhiều hơn những người thừa kế cùng hàng khác.

Trong vụ án này, bà M không phải là người thừa kế theo di chúc, không được bố mẹ bà để lại một phần di sản và giao cho bà dùng vào việc thờ cúng. Bà M chỉ là một người thừa kế giống như các đồng thừa kế khác, được nhận một suất thừa kế theo luật. Cách phân chia này dựa trên cơ sở pháp lý vững chắc là điều 645 Bộ luật dân sự 2015. Tuy nhiên trên thực tế, người dân do thiếu hiểu biết pháp luật nên vẫn có những trường hợp giống bà M - hiểu sai về vấn đề di sản dùng vào việc thờ cúng. Chính vì vậy, trong quá trình giải quyết vụ án, các Tòa án cần thống nhất cách giải quyết, dựa trên điều 645 Bộ luật dân sự 2015 để xác lập di sản vào việc thờ cúng.

4.2. Vấn đề chia di sản bằng hiện vật

Hiện nay, chế định thừa kế trong Bộ luật dân sự 2015 mới chỉ đề cập đến việc phân chia di sản bằng hiện vật tại khoản 2 Điều 660 như sau:

Khoản 2, Điều 660, BLDS 2015 quy định: *“Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật, nếu không thể chia đều bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật và thỏa thuận về người nhận hiện vật, nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia”*.

Theo quy định này, trước tiên những người thừa kế có quyền yêu cầu Tòa án phân chia di sản bằng hiện vật. Nếu những người thừa kế không có thỏa thuận nào khác trong việc phân chia di sản bằng hiện vật thì di sản được chia đều cho họ. Trong trường hợp di sản bao gồm nhiều hiện vật, mỗi hiện vật có giá trị khác nhau, thì trước khi chia di sản phải xác định giá trị của từng hiện vật, trên cơ sở cùng định giá của những người thừa kế.

Mặc dù pháp luật đã có quy định nhưng do quy định còn chưa thực sự hoàn thiện dẫn việc chia di sản bằng hiện vật vẫn còn gặp nhiều khó khăn, cụ thể:

(1) Việc người nào nhận phần nào cụ thể của di sản cũng là một vấn đề cần được giải quyết, vì di sản rất đa dạng, các phần bằng hiện vật có thể có giá trị bằng nhau nhưng bản chất (tính năng) của từng phần không luôn giống nhau (phần là quyền sử dụng đất, phần là nhà, phần là nhà đất...). Ngoài ra, có những vật theo tính chất là vật chia được,

nhưng vật khi phân chia trong hoàn cảnh cụ thể thì được xác định là vật không chia được (như diện tích một ngôi nhà là vật chia được nhưng ngôi nhà đó có diện tích nhỏ nếu chia diện tích nhà cho những người thừa kế thì ngôi nhà không thể sử dụng được).

Trong trường hợp một số người đều muốn nhận bằng hiện vật, trong khi đó di sản không thể chia bằng hiện vật, thì cũng cần phải xác định ai nhận bằng hiện vật (người không nhận bằng hiện vật sẽ được nhận bằng giá trị). Vấn đề này còn bị bỏ ngỏ, việc giải quyết hoàn toàn phụ thuộc vào cách áp dụng pháp luật của Tòa án.

(2) Vấn đề định giá di sản thừa kế là hiện vật vẫn tồn tại rất nhiều vướng mắc, đơn cử như trường hợp những người thừa kế không thỏa thuận được việc định giá, không thống nhất được việc lựa chọn cơ quan nào là cơ quan định giá tài sản. Như trong vụ án được nghiên cứu ở trên, có hai cơ quan tham gia vào việc định giá: một là Công ty cổ phần định giá bất động sản và hai là Tòa án. Pháp luật chưa quy định rõ cơ quan nào có thẩm quyền định giá mà hoàn toàn phụ thuộc và sự lựa chọn của các đương sự cũng như phụ thuộc vào giai đoạn giải quyết vụ án. Chính vì thiếu quy định pháp luật, nên Tòa án sẽ xem xét và lựa chọn phương án nào có lợi nhất cho số đông các đương sự, ví dụ lựa chọn kết quả định giá cao nhất để chia bằng giá trị cho các đương sự. Trường hợp kết quả định giá không được tất cả các đương sự chấp nhận thì việc giải quyết vụ án được thực hiện như nào vẫn là một vấn đề mà pháp luật còn bỏ ngỏ.

Qua phân tích ở trên, có thể thấy pháp luật hiện hành còn thiếu quy định cụ thể về tiêu chí người nhận di sản thừa kế bằng hiện vật, đồng thời thiếu hướng dẫn cụ thể về vấn đề định giá di sản thừa kế.

Các nhà làm luật cần nghiên cứu để đưa ra tiêu chí rõ ràng về việc ai sẽ được nhận di sản bằng hiện vật, có thể xem xét để luật hóa các tiêu chí sau: chia di sản bằng hiện vật cho người thừa kế được hưởng phần thừa kế nhiều nhất (tương tự trường hợp bà N trong vụ án này); người nào có hoàn cảnh khó khăn nhất mà việc nhận di sản bằng hiện vật có thể giúp giải quyết khó khăn đó (ví dụ người thừa kế không có nơi ở sẽ được ưu tiên chia di sản bằng nhà ở); người thừa kế nào có đóng góp nhiều nhất cho việc tạo lập di sản... Về vấn đề định giá, cần bổ sung thêm hướng dẫn chi tiết về cơ quan có thẩm quyền định giá tài sản; dự liệu hậu quả pháp lý trong

trường hợp kết quả định giá không được các đương sự chấp nhận.

5. Kết luận

Quyền thừa kế là một chế định trong hệ thống pháp luật dân sự của nước ta, là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh việc chuyển dịch tài sản của người chết cho người khác theo di chúc hoặc theo một trình tự nhất định, đồng thời quy định phạm vi, quyền, nghĩa vụ và phương thức bảo vệ các quyền, nghĩa vụ của người thừa kế.

Vụ án phân chia di sản thừa kế nêu trên có nội dung tương đối đơn giản, tuy nhiên nội dung vụ án hết sức gần gũi và xảy ra khá phổ biến trong thực tế cuộc sống. Qua việc phân tích các quy định pháp luật cũng như cách giải quyết của Tòa án, chúng ta có thể khắc phục một cách hiệu sai hiện nay của một bộ phận người dân - đó là khi con cái chăm sóc, thờ cúng cha mẹ thì sẽ mặc nhiên được chia thừa kế nhiều hơn so với các đồng thừa kế khác. Đồng thời, cách giải quyết của Tòa án trong vụ án này (định giá di sản thừa kế theo hướng có lợi nhất cho các đương sự) cũng là một yếu tố để các nhà làm luật cân nhắc và xây dựng quy định pháp luật làm cơ sở giải quyết thống nhất cho các vụ việc tương tự về sau.

REFERENCES

- [1] Cu, N.V., Hue, T.T. (2017), *Scientific commentary of Vietnam Civil Code 2015*, Cong an nhan dan Publisher.
 - [2] Luong, T.D. (2019), *Civil Legal and trial practice*, Chinh tri quoc gia Publisher.
 - [3] Ngọc, P.B. (2020), *Completion of the legal provisions on conditional wills*, Dan chu & Phap luat magazine, No 11 (344) November 2020.
 - [4] Sach, D.P., Tho, N.T. (2020), *Completing regulations on inheritance distribution*, Cong Thuong Industry and Trade magazine.
- Accessed on: January 19 2021. From <http://tapchicongthuong.vn/bai-viet/hoan-thien-quy-dinh-phap-luat-ve-phan-chia-di-san-thua-ke-72436.htm>
- [5] Soc Trang People's Court (07.9.2020), Judgment No.32/2020/DS-ST about "inheritance distribution dispute case"
- Accessed on: October 17 2020. From <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta602867t1cvn/chi-tiet-ban-an>.